

Số: 12/QĐ-DIISPKTVL-CTSV

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trong học kỳ 2
năm học 2023- 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-BLĐTBXH, ngày 09/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long”;

Căn cứ Quyết định số 28/VBIIIN-BGDDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống đào tạo quốc dân;

Căn cứ Nghị định 84/2020/ND-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-DIISPKTVL-CTSV ngày 20/08/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc Ban hành Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên (hệ chính quy);

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng xét Rèn luyện, Học bổng và Trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ 2 năm học 2023- 2024 họp vào ngày 28/10/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập cho **236** sinh viên đạt thành tích học tập và rèn luyện Khá, Giỏi, Xuất sắc trong học kỳ 2 năm học 2023- 2024 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các Phòng, Khoa liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, Phòng CTSV.

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Sang

HOC KỲ II - NĂM HỌC: 2023 - 2024

(Kèm theo quyết định số: 12/QĐ-DHSPKTVL-CTSV ngày 01 tháng 11 năm 2024)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1.DIL.CNKTOTO 2020											
1	20001404	Hồ Quốc	Cường	Tốt	3,63	Giỏi	387.600	15	5.814.000	12	
2	20001408	Lê Thành	Đạt	Tốt	3,58	Giỏi	387.600	15	5.814.000	12	
3	20001498	Lý Hữu	Tín	Tốt	3,58	Giỏi	387.600	15	5.814.000	12	
4	20001395	Võ Nhựt	Anh	Khá	3,17	Khá	380.000	15	5.700.000	13	
5	20001439	Lưu Quốc	Kiệt	Khá	3,17	Khá	380.000	15	5.700.000	13	
6	20001520	Mạc Võ Thanh	An	Khá	2,93	Khá	380.000	15	5.700.000	14	
7	20001067	Quách Đăng	Khoa	Khá	2,92	Khá	380.000	15	5.700.000	12	
8	20001504	Lê Thanh	Trung	Khá	2,67	Khá	380.000	15	5.700.000	21	
9	20001554	Nguyễn Lê Tuấn	Thành	Tốt	2,65	Khá	380.000	15	5.700.000	17	
2.DIL.CNKT DDT 2020											
10	20003079	Lê Hoàng	Phúc	Tốt	3,92	Giỏi	387.600	15	5.814.000	12	
11	20003112	Nguyễn Sơn	Tùng	Tốt	3,92	Giỏi	387.600	15	5.814.000	12	
3.DIL.CNTT 2020											
12	20004232	Trần Minh	Trung	Tốt	3,31	Giỏi	387.600	15	5.814.000	13	
13	20004252	Trần Hữu	Vinh	Khá	3,08	Khá	380.000	15	5.700.000	14	
14	20004240	Hồ Thanh	Tú	Khá	3,00	Khá	380.000	15	5.700.000	12	
15	20004244	Trần Linh	Tùng	Khá	3,00	Khá	380.000	15	5.700.000	12	
4.DIL.CNTP 2020											

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Dvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Dvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
16	20005045	Trương Phạm Khả	Luân	Khá	3,26	Khá	380.000	15	5.700.000	17	
5.DIL.CNKT CDT 2020											
17	20006020	Nguyễn Duy	Tân	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	16	
6.DIL.CNKT DK&TDH 2020											
18	20007022	Kim Phong	Phú	Khá	3,07	Khá	380.000	15	5.700.000	22	
7.DIL.CNKT CK 2020											
19	20008018	Nguyễn Văn	Hiền	Khá	2,55	Khá	380.000	15	5.700.000	12	
8. DIL.TY 2020											
20	20010096	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Xuất sắc	3,80	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	15	
21	20010045	Võ Thị Tố	Loan	Xuất sắc	3,77	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	13	
22	20010042	Nguyễn Thị Trúc	Lam	Tốt	3,97	Giỏi	387.600	15	5.814.000	16	
23	20010044	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Tốt	3,97	Giỏi	387.600	15	5.814.000	16	
9.DIL.CNSH 2020											
24	20014014	Cái Thị	Nhi	Tốt	3,96	Giỏi	362.100	15	5.431.500	14	
10.DIL.CNKT NHIỆT 2020											
25	20013007	Trần Công	Bảo	Xuất sắc	3,92	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	12	
11.DIL.DL 2020											
26	20015040	Trần Như	Ngọc	Tốt	4,00	Giỏi	342.720	15	5.140.800	13	
27	20015082	Võ Yến	Vy	Tốt	3,90	Giỏi	342.720	15	5.140.800	15	
12.DIL.KINH TẾ 2020											
28	20017210	Trương Thị Bích	Tuyền	Khá	2,98	Khá	336.000	15	5.040.000	22	
13.DIL.LUẬT 2020											
29	20018014	Dương Trung	Hậu	Tốt	3,62	Giỏi	352.920	15	5.293.800	17	

Danh sách gồm có 29 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Nguyễn Minh Sang

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 46 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2023 - 2024

(Kèm theo quyết định số: 12/QĐ-DHSPKTVL-CTSV ngày 01 tháng 11 năm 2024)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1.ĐH.CNKOTO 2021											
1	21001003	Lâm Hoàng	Thanh	Xuất sắc	3,89	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
2	21001064	Lê Thanh	Liêm	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	24	
3	21001385	Nguyễn Ngọc Quốc	Tấn	Xuất sắc	3,76	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	17	
4	21001490	Nguyễn Nhật	Kha	Xuất sắc	3,76	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	17	
5	21001380	Lê Văn	Phước	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
6	21001464	Tạ Hữu	Nghi	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
7	21001303	Nguyễn Đoàn	Khang	Tốt	3,83	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
8	21001005	Huỳnh Phong	Nhã	Tốt	3,74	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
9	21001122	Bùi Thanh	Duy	Tốt	3,63	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
10	21001639	Trần Hoàng	Vinh	Tốt	3,56	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
11	21001028	Lê Văn	Luân	Tốt	3,50	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
12	21001257	Phan Khải	Toàn	Xuất sắc	3,47	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	
13	21001127	Chung Hoàng	Đức	Tốt	3,42	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
14	21001427	Nguyễn Lê Thế	Vinh	Tốt	3,42	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
15	21001188	Nguyễn Tuấn	Khang	Tốt	3,41	Giỏi	387.600	15	5.814.000	22	
16	21001229	Đào Út	Bảo	Tốt	3,41	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	
17	21001553	Võ Văn	Quý	Tốt	3,41	Giỏi	387.600	15	5.814.000	22	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
38	21008095	Nguyễn Thanh	Liêm	Tốt	3,44	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
39	21008070	Nguyễn Duy	Tính	Tốt	3,35	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	
40	21008071	Phan Khánh	Duy	Tốt	3,12	Khá	380.000	15	5.700.000	17	

8. DIL.TY 2021

41	21010011	Nguyễn Anh	Thư	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	23	
42	21010059	Nguyễn Ngân	Khanh	Xuất sắc	3,78	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	23	
43	21010135	Nguyễn Gia	Thịnh	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	23	
44	21010010	Lê Hoàng	Khương	Xuất sắc	3,73	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	22	
45	21010125	Phạm Thị Kiều	Xuân	Xuất sắc	3,72	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	25	

9. DIL.CTXH 2021

46	21011014	Cao Đặng Trường	Vũ	Tốt	2,89	Khá	336.000	15	5.040.000	18	
----	----------	-----------------	----	-----	------	-----	---------	----	-----------	----	--

10. DH.CNSH 2021

47	21014022	Nguyễn Hoàng	Hân	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	369.200	15	5.538.000	22	
----	----------	--------------	-----	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

11. DIL.CNKTN 2021

48	21013037	Nguyễn Tấn	Thành	Xuất sắc	3,80	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
49	21013036	Lê Minh	Nhật	Tốt	3,48	Giỏi	387.600	15	5.814.000	25	

12. DH.KINH TẾ 2021

50	21017007	Nguyễn Thị Ngọc	Lợi	Xuất sắc	3,86	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	14	
51	21017100	Nguyễn Vũ	Hải	Xuất sắc	3,76	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	21	
52	21017104	Trần Linh	Dan	Xuất sắc	3,72	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	18	
53	21017144	Tạ Thị Hoài	Thu	Xuất sắc	3,62	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	21	
54	21017107	Ngô Gia	Bảo	Xuất sắc	3,61	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	18	
55	21017198	Lê Hoàng	Thơ	Tốt	3,89	Giỏi	342.720	15	5.140.800	19	
56	21017130	Đỗ Kim	Nương	Tốt	3,88	Giỏi	342.720	15	5.140.800	17	
57	21017186	Hà Đức	Huy	Tốt	3,86	Giỏi	342.720	15	5.140.800	22	
58	21017056	Hồ Nguyễn Bảo	Trần	Tốt	3,82	Giỏi	342.720	15	5.140.800	17	

HIEU TRUONG
 KT. HIEU TRUONG
 PHO HIEU TRUONG
 TRUONG
 DAI HOC
 SU PHAM
 KY THUAT
 VINH LONG
 BO LAO ĐỘNG THƯƠNG
 XÃ HỘI
 NGUYỄN MINH PANG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2023 - 2024

(Kèm theo quyết định số: 12/QĐ-ĐHSPKTVL-CTSV ngày 01 tháng 11 năm 2024)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1.DH.CNKTTOTO 2022											
1	22001040	Nguyễn Thanh	Nhân	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	ĐỒNG
2	22001053	Phạm Thanh	Hiền	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
3	22001024	Huỳnh Châu	Tấn	Xuất sắc	3,80	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
4	22001619	Trịnh Triển Triệu	Minh	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	21	
5	22001036	Trương Duy	Vũ	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
6	22001370	Lê Thanh	Sang	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
7	22001226	Nguyễn Chí	Nghĩa	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
8	22001118	Phan Thanh	Phong	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
9	22001058	Lê Hoàng	Mạnh	Tốt	3,75	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
10	22001390	Nguyễn Hoàng	Việt	Tốt	3,65	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	
11	22001599	Huỳnh Trọng	Nghĩa	Tốt	3,55	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
12	22001015	Nguyễn Nhật	Dương	Tốt	3,50	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
13	22001052	Đỗ Trọng	Phát	Tốt	3,45	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
14	22001575	Trần Duy	Hưng	Tốt	3,41	Giỏi	387.600	15	5.814.000	22	
15	22001590	Trần Hoàng	Phúc	Tốt	3,35	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
16	22001363	Nguyễn Anh	Kiệt	Tốt	3,32	Giỏi	387.600	15	5.814.000	22	
17	22001598	Trần Thị Diễm	Nguyên	Xuất sắc	3,32	Giỏi	387.600	15	5.814.000	22	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCIIT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
18	22001628	Huỳnh Thanh	Mẫn	Tốt	3,30	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
19	22001093	Nguyễn Quan	Trí	Tốt	3,28	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
20	22001021	Huỳnh Thái Nhật	Linh	Tốt	3,25	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	

2.DII.CNCTM 2022

21	22002009	Huỳnh Tấn	Tài	Xuất sắc	3,47	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	
----	----------	-----------	-----	----------	------	------	---------	----	-----------	----	--

3.DII.CNK'TDDT 2022

22	22003048	Lê Tấn	Đạt	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	21	
23	22003010	Nguyễn Minh	Nhật	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
24	22003045	Lê Thành	Lộc	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	28	

4.DII.CNTT 2022

25	22004294	Trịnh Khắc	Nhật	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	17	
26	22004228	Nguyễn Phạm Minh	Kha	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	21	
27	22004071	Nguyễn Thành	Tỷ	Xuất sắc	3,74	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
28	22004278	Dặng Tuấn	Kiệt	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
29	22004027	Hồ Gia	Huy	Tốt	4,00	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	
30	22004001	Lê Nguyễn Gia	Đạt	Tốt	3,89	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
31	22004049	Võ Hoàng	Thái	Tốt	3,68	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
32	22004266	Thạch Chí	Hiếu	Tốt	3,68	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
33	22004274	Phạm Lê Phát	Huy	Tốt	3,65	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	

5.DII.CNTP 2022

34	22005090	Phạm Thị Mỹ	Ái	Xuất sắc	3,57	Giỏi	387.600	15	5.814.000	23	
35	22005089	Nguyễn Thành	Đạt	Tốt	3,43	Giỏi	387.600	15	5.814.000	21	
36	22005088	Nguyễn Khánh	Vy	Tốt	3,42	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
37	22005116	Nguyễn Diễm	Huỳnh	Tốt	3,41	Giỏi	387.600	15	5.814.000	22	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
6.ĐIL.CNKTCDT 2022											
38	22006013	Lê Trung	Chuyên	Tốt	3,61	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
7.ĐIL.CNKTDK&TDH 2022											
39	22007033	Nguyễn Văn Phi	Long	Xuất sắc	3,92	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	24	
8. ĐIL.CNKTCCK 2022											
40	22008018	Phạm Minh	Tạo	Tốt	3,85	Giỏi	387.600	15	5.814.000	27	
41	22008011	Nguyễn Hoài	An	Tốt	3,80	Giỏi	387.600	15	5.814.000	21	
42	22008041	Bùi Phúc	Diễn	Tốt	3,75	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
9. ĐIL.TY 2022											
43	22010027	Nguyễn Quốc	Thuận	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	22	
44	22010005	Trần Như	Quỳnh	Tốt	3,77	Giỏi	387.600	15	5.814.000	23	
45	22010025	Phan Phi	Long	Tốt	3,73	Giỏi	387.600	15	5.814.000	23	
46	22010072	Phan Ngọc	Phúc	Tốt	3,70	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
10. ĐIL.CTXH 2022											
47	22011002	Nguyễn Thị Cúc	Hoa	Xuất sắc	3,83	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	18	
11.ĐIL.CNSH 2022											
48	22014006	Lê Hoài	An	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	369.200	15	5.538.000	21	
12.ĐIL.CNKTN 2022											
49	22013054	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	Tốt	3,67	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
50	22013036	Trương Nhật	Tiến	Tốt	3,41	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
13.ĐIL.DL 2022											
51	22015003	Nguyễn Thành	Tâm	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	17	
14.ĐIL.KINH TẾ 2022											
52	22017057	Trần Nguyễn Minh	Khiêm	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	17	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RI.2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
53	22017074	Lê Trúc Huệ	Quyên	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	17	
54	22017134	Trương Mộc	Đô	Xuất sắc	3,86	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	22	
55	22017229	Nguyễn Văn	Tài	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	18	
56	22017120	Huỳnh Hải	Dăng	Xuất sắc	3,64	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	22	
57	22017139	Lê Tùng	Hưng	Tốt	3,89	Giỏi	342.720	15	5.140.800	19	
58	22017076	Phạm Đồng Tường	Vy	Tốt	3,82	Giỏi	342.720	15	5.140.800	17	

15. DII. I. UẬT 2022

59	22018056	Tô Bảo	Trân	Tốt	3,41	Giỏi	352.920	15	5.293.800	17	
60	22018012	Võ Tiến	Nam	Tốt	3,35	Giỏi	352.920	15	5.293.800	17	

16. DII. KTCKDL 2022

61	22019014	Đinh Anh	Kỳ	Tốt	3,53	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
----	----------	----------	----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

17. DII. KTCTXD 2022

62	22020009	Đỗ Thành	Danh	Xuất sắc	3,89	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
----	----------	----------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

18. DII. QTDVDLVLII 2022

63	22021004	Nguyễn Thanh	Thúy	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	17	
64	22021033	Võ Trường	Thạnh	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	17	

20. DII. KT OTO ĐIỆN 2022

65	22026020	Phan Lê Minh	Khoa	Khá	2,55	Khá	380.000	15	5.700.000	19	
----	----------	--------------	------	-----	------	-----	---------	----	-----------	----	--

21. DII. Logistic & QLCCU 2022

66	22027008	Nguyễn Thị Xuân	Phương	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
----	----------	-----------------	--------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

22. DII. TT DPT 2022

67	22029022	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Tốt	3,65	Giỏi	342.720	15	5.140.800	17	
----	----------	-----------------	-----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
23. ĐHLKDQT 2022										
68	22028007	Trần Gia Mỹ	Tốt	3,18	Khá	346.000	15	5.190.000	17	

Danh sách gồm có 68 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Sang



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 48 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2023 - 2024

(Kèm theo quyết định số: 12/QĐ-DHSPKTVL-CTSV ngày 01 tháng 11 năm 2024)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
1.ĐH.CNKTOTO 2023											
1	23001351	Trần Văn	Chiêu	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	10 ĐỒNG
2	23001207	Nguyễn Hưng	Thịnh	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
3	23001301	Lê Võ Thanh	Thái	Tốt	3,85	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
4	23001526	Phan Huệ	Ngân	Tốt	3,78	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
5	23001503	Nguyễn Thanh	Huy	Tốt	3,67	Giỏi	387.600	15	5.814.000	21	
6	23001580	Trần Bảo	Ngọc	Tốt	3,67	Giỏi	387.600	15	5.814.000	24	
7	23001403	Phạm Hải	Đăng	Tốt	3,62	Giỏi	387.600	15	5.814.000	24	
8	23001222	Nguyễn Văn	Đức	Tốt	3,55	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
9	23001382	Nguyễn Gia	Huy	Tốt	3,55	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
10	23001489	Trương Minh	Huy	Tốt	3,52	Giỏi	387.600	15	5.814.000	21	
11	23001244	Lê Quang	Thịnh	Tốt	3,50	Giỏi	387.600	15	5.814.000	23	
12	23001488	Trương Lê Hiếu	Nhân	Tốt	3,38	Giỏi	387.600	15	5.814.000	21	
13	23001506	Tiêu Thanh	An	Tốt	3,33	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
14	23001061	Trần Văn	Tuấn	Tốt	3,32	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	
15	23001405	Phạm Tiến	Đạt	Tốt	3,29	Giỏi	387.600	15	5.814.000	24	
16	23001332	Phan Chí	Thiện	Tốt	3,25	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
17	23001024	Lê Minh	Bằng	Tốt	3,23	Giỏi	387.600	15	5.814.000	22	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
18	23801054	Nguyễn Hoàng	Phúc	Tốt	3,68	Giỏi	525.300	15	7.879.500	19	
19	23801026	Phạm Công	Thuần	Xuất sắc	3,50	Giỏi	525.300	15	7.879.500	18	

2.DII.CNCTM 2023

20	23002001	Nguyễn Hữu	Phú	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	17	
21	23002010	Nguyễn Văn	Trường	Tốt	3,71	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	

3.DII.CNKTDĐT 2023

22	23003021	Trần Thanh	Thùy	Tốt	3,44	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
23	23003051	Phạm Thị Phương	Hoa	Tốt	3,36	Giỏi	387.600	15	5.814.000	33	
24	23003062	Trương Nhật	Hòa	Tốt	3,35	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	

4.DII.CNTT 2023

25	23004088	Trương Minh	Khoa	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
26	23004198	Nguyễn Tấn	Lộc	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
27	23004167	Trần Huỳnh Đăng	Khoa	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
28	23004169	Nguyễn Thanh	Khoa	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
29	23004191	Nguyễn Thành Thanh	Tùng	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	21	
30	23004202	Lê Minh	Phước	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
31	23004298	Nguyễn Quốc	Khởi	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	17	
32	23004244	Nguyễn Phi	Bằng	Xuất sắc	3,82	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
33	23004166	Nguyễn Ngọc Linh	Đa	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
34	23004071	Trần Vĩnh	Đạt	Tốt	4,00	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	

5.DII.CNTP 2023

35	23005011	Lê Huỳnh	Trâm	Xuất sắc	3,72	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	19	
36	23805001	Ngô Nguyễn Thị Thu	Vân	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	535.600	15	8.034.000	21	
37	23005090	Trần Ngọc	Trâm	Tốt	3,83	Giỏi	387.600	15	5.814.000	19	

6.DII.CNKTCĐT 2023

38	23006017	Phạm Nguyễn Minh	Trường	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
----	----------	------------------	--------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
39	23006033	Nguyễn Minh Phú	Sang	Xuất sắc	3,87	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	

7.ĐIL.CNKTKDK&TDH 2023

40	23007006	Từ Minh	Khôi	Xuất sắc	3,89	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
----	----------	---------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

8. ĐIL.CNKTKCK 2023

41	23008043	Nguyễn Ngọc	Liên	Xuất sắc	3,89	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
42	23008066	Huỳnh Quang	Minh	Xuất sắc	3,80	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	21	
43	23008004	Phan Tiến	Lợi	Tốt	4,00	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
44	23008031	Nguyễn Tiến	Duy	Tốt	3,88	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
45	23008017	Huỳnh Thành	Lộc	Tốt	3,72	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
46	23008047	Nguyễn Trí	Hậu	Tốt	3,71	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	

9. ĐIL.TY 2023

47	23010113	Lê Minh	Trường	Xuất sắc	3,76	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	18	
48	23010133	Nguyễn Thiện	Nhân	Tốt	3,68	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
49	23010112	Nguyễn Trọng	Phúc	Tốt	3,65	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	
50	23010114	Nguyễn Vũ Yến	Như	Tốt	3,65	Giỏi	387.600	15	5.814.000	18	

10. ĐIL.CTXH 2023

51	23011003	Phan Thị Hồng	Đăng	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	17	
----	----------	---------------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

11.ĐIL.CNSH 2023

52	23014015	Lê Quỳnh	Như	Tốt	3,53	Giỏi	362.100	15	5.431.500	18	
----	----------	----------	-----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

12.ĐIL.CNKTN 2023

53	23013001	Nguyễn Phú	Vinh	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	17	
54	23013029	Võ Tuấn	Kiệt	Tốt	4,00	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	

13.ĐIL.DL 2023

55	23215001	Quách Thanh	Xuân	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	535.600	15	8.034.000	20	
----	----------	-------------	------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

14.ĐIL.KINH TẾ 2023

56	23017184	Huỳnh Minh	Ilằng	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	20	
----	----------	------------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
57	23017174	Võ Ngọc Tâm	Đoan	Tốt	3,79	Giỏi	342.720	15	5.140.800	19	
58	23017176	Trần Nguyễn Hạnh	Nguyên	Tốt	3,63	Giỏi	342.720	15	5.140.800	19	
59	23017066	Phùng Thị Hương	Trà	Tốt	3,56	Giỏi	342.720	15	5.140.800	18	
60	23017160	Huỳnh Thị Hà	My	Tốt	3,39	Giỏi	342.720	15	5.140.800	19	
61	23017084	Nguyễn Phước An	Khang	Tốt	3,33	Giỏi	342.720	15	5.140.800	18	

15.ĐH.LUẬT 2023

62	23018040	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	Tốt	3,47	Giỏi	352.920	15	5.293.800	20	
----	----------	---------------	-------	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

16.ĐH.KTCTXD 2023

63	23020010	Huỳnh Phan Hữu	Trung	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	20	
----	----------	----------------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

17.ĐH.QTDVDLVLIH 2023

64	23021019	Dương Duy	Khánh	Xuất sắc	3,92	Xuất sắc	349.440	15	5.241.600	24	
----	----------	-----------	-------	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

18.ĐH.KHMT 2023

65	23022006	Nguyễn Thị Ánh	Như	Tốt	3,23	Giỏi	387.600	15	5.814.000	23	
----	----------	----------------	-----	-----	------	------	---------	----	-----------	----	--

19.ĐH.KTIIIH 2023

66	23024007	Võ Yến	Nhi	Xuất sắc	3,62	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	22	
----	----------	--------	-----	----------	------	----------	---------	----	-----------	----	--

20.ĐH.TMDT 2023

67	23025004	Nguyễn Hồng	Thắm	Xuất sắc	3,59	Giỏi	352.920	15	5.293.800	17	
----	----------	-------------	------	----------	------	------	---------	----	-----------	----	--

21.ĐH.KTOTO ĐIỆN 2023

68	23026010	Võ Thành	Trông	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	395.200	15	5.928.000	22	
69	23801054	Nguyễn Hoàng	Phúc	Xuất sắc	3,33	Giỏi	387.600	15	5.814.000	21	

22.ĐH.Logistic&QLCCU 2023

70	23027013	Nguyễn Tuyết	Như	Tốt	3,67	Giỏi	387.600	15	5.814.000	20	
71	23027032	Trương Thị Diễm	My	Tốt	3,44	Giỏi	387.600	15	5.814.000	17	

23.ĐH.TT DPT 2023

72	23029041	Nguyễn Thị Minh	Thư	Tốt	3,64	Giỏi	342.720	15	5.140.800	17	
73	23029011	Nguyễn Đỗ Tuyết	Nhung	Tốt	3,47	Giỏi	342.720	15	5.140.800	21	

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Đơn giá học bổng (Đvt: đồng/TC)	Số TC	Thành tiền (Đvt: đồng)	TC đăng ký HK2	Ghi chú
24. DII. GDII 2023										
74	23030011	Võ Hồng Thu	Khá	2,64	Khá	346.000	15	5.190.000	17	

Danh sách gồm có 74 sinh viên

Vĩnh Long, ngày 01 tháng 11 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Sang

